

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ HÙNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND
(Dự thảo)

Hùng Sơn, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 xã Hùng Sơn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ HÙNG SƠN
KHÓA I, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải Quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã; tỷ lệ % phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã đối với phần ngân sách địa phương được hưởng; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 về các nội dung liên quan đến nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn; phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển năm 2026 và kế hoạch đầu tư công ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 46-TB/ĐU ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ban

Thường vụ Đảng ủy xã về việc Kết luận tại phiên họp ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã về việc Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Hùng Sơn;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân xã tại Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 về việc Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Hùng Sơn; Báo cáo thẩm tra số 30/BC-KTNS ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông nhất thông qua dự kiến Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu, định hướng đầu tư công năm 2026

a. Mục tiêu đầu tư công năm 2026.

- Nâng cao sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công, thu hút sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển, góp phần hoàn thiện cơ bản kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển trong quy hoạch giai đoạn 2026-2030 và tầm nhìn đến 2050; Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2026

b. Định hướng năm 2026

- Tập trung bố trí nguồn vốn đầu tư công cho các công trình đã có kết quả thẩm tra phê duyệt quyết toán, ưu tiên đầu tư dự án giao thông có tính chất liên kết vùng được liệt kê trung, tác động lan tỏa, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội xã.

2. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công năm 2026

a. Tuân thủ luật đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan.

b. Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn đầu tư công năm 2026.

c. Tập trung vốn đầu tư công để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm ưu tiên đầu tư mặt bằng khu dân cư các thôn, nương thoát nước, kè chống sạt lở, đường sản xuất tập trung.

d. Bố trí nguồn vốn đầu tư tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công, bố trí vốn cho dự án đã đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật đầu tư công và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan

3. Tổng mức đầu tư vốn đầu tư công năm 2026

3.1. Kế hoạch đầu tư công các dự án trọng điểm: 05 dự án, dự kiến tổng nhu cầu vốn: 385.000.000.000 đồng

(Phụ lục 1 chi tiết đính kèm)

3.2. Kế hoạch đầu tư công các dự án thuộc thẩm quyền HĐND và UBND xã Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư: 121 công trình, Dự kiến tổng nhu cầu vốn: 147.183.000.000 đồng

(Phụ lục 2 chi tiết đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Việc điều chỉnh, bổ sung danh mục trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân thông qua và được sự thống nhất Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy và Thường trực Hội đồng nhân dân xã và Báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam xã phối hợp giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã khoá I, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày HĐND xã biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND thành phố (b/c);
- UBND thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Ban Thường vụ Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- UBND, Ủy ban MTTQVN xã;
- Các Ban của HĐND xã;
- Các vị đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể xã;
- Văn Phòng HĐND&UBND xã;
- Lưu: VT-TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn An



PHỤ LỤC 01: BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU NÂNG CẤP, SỬA CHỮA CÁC CÔNG TRÌNH BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI GÂY RA NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày 31/12/2025 của HĐND xã Hùng Sơn)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Đã phân bổ đợt 1 (dự phòng ngân sách xã)	Phân bổ đợt 2 (Ngân sách thành phố)	Công nợ đến thời điểm tháng 12	Sự cần thiết đầu tư
I	NGUỒN THANH PHỐ ĐÃ NÂNG HỖ TRỢ		12.820	350	2.000	8.250	
1	Hỗ trợ		240	-	260	-	
1	Mua sắm lương thực, thực phẩm đợt sạt lở đất tại thôn Pút và Da'ding	Thôn Pút, Da'ding, Glao	140		140	-	Tại thời điểm này rất cần có lương thực thực phẩm, để phục vụ nhân dân
2	Mua sắm ống nước, máy bơm, Bồn inox....	Thôn Da'ding và Pút	100		120		Sau khi sạt lở đất, 02 thôn không có nguồn nước, tại thời điểm này đã hỗ trợ khăn cấp
2	Trả nợ cho sạt lở đường do thiên tai gây ra (Bão số 12)		5.807	-	1.740	4.067	
7	Khắc phục đảm bảo giao thông bước 1 do hoàn lưu bão số 12 số gây ra, tuyến vào các thôn: Arâng, Arring và T'râm, xã Hùng Sơn, Tp Đà Nẵng		493,45		150	343	

8	Khắc phục đảm bảo giao thông bước 1 do hoàn lưu bão số 12 số gây ra, tuyến đường sản xuất Auốt vào thôn Agriih, đường vào khu du lịch Pomu, đường vào khu Miếu, xã Hùng Sơn, Tp Đà Nẵng		316,50		100	216
9	Khắc phục đảm bảo giao thông bước 1 do hoàn lưu cơn bão số 12 gây ra, tuyến đường: Từ thôn Cha'lăng đi thôn Nhung, Achoong và từ thôn Cha'lăng đi thôn H'juh, xã Hùng Sơn, Tp Đà Nẵng		361,64		110	252
10	Khắc phục đảm bảo giao thông bước 1 do hoàn lưu bão số 12 số gây ra từ thôn Abaanh I, đi thôn Ariêu, Abaanh II, xã Hùng Sơn, Tp Đà Nẵng		299,18		100	199
11	Khắc phục đảm bảo giao thông bước 1 do hoàn lưu bão số 12 gây ra trên các tuyến đường từ thôn Atu I đi thôn Atu II, tuyến giao thông trực thuộc địa bàn (UBND xã Ch'om cũ), xã Hùng Sơn, Tp Đà Nẵng		941,58		300	642
12	Khắc phục đảm bảo giao thông bước 1 do hoàn lưu cơn bão số 12 gây ra trên tuyến đường ĐT606 đi Atu I, xã Hùng Sơn, Tp Đà Nẵng		1.159,71		350	810

Hoàn lưu bão số 12

13	Khắc phục đảm bảo giao thông bước 1 do hoàn lưu bão số 12 số gây ra, tuyến đường ĐH4 và các tuyến đường đến các thôn thuộc xã Gari (cũ), xã Hùng Sơn, Tp Đà Nẵng		2.234,46		630	1.604
----	--	--	----------	--	-----	-------



PHỤ LỤC 02: DỰ KIẾN NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026
DO HĐND VÀ UBND XÃ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày 31/12/2025 của HĐND xã Hùng Sơn)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Dự kiến tổng mức đầu tư	Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026					Ghi chú
				Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn		Phân theo chi phí		
					NSTW	Ngân sách thành phố	Xây lắp	ĐB, GPMB	
A	NGÀNH, LĨNH VỰC		440.600	147.183	-	147.383	145.042	2.341	
I	QUỐC PHÒNG		15.000	4.500	-	4.500	4.275	225	
1	Xây dựng Trụ sở làm việc Ban chỉ huy Quân sự xã	Hùng Sơn	15.000	4.500		4.500	4.275	225	
II	AN NINH TRẬT TỰ VÀ AN TOÀN XH		25.000	7.500		7.500	7.125	375	
1	Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã xã	Hùng Sơn	25.000	7.500		7.500	7.125	375	
III	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC DẠY NGHỀ		30.000	2.000		2.000	2.000		
1	Nâng cấp, sửa chữa điểm trường các thôn trên địa bàn xã	Hùng Sơn	30.000	2.000		2.000	2.000	-	
IV	KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ		6.000	2.000		2.000	2.000		
1	Đầu tư hạ tầng khoa học công nghệ trung tâm hành chính xã và tại tất cả các điểm thôn trên địa bàn	Hùng Sơn	6.000	2.000		2.000	2.000		
V	Y TẾ - DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		5.000	2.500	-	2.500	2.500	-	
1	Sửa chữa trạm y tế điểm Ch'om	Hùng Sơn	5.000	2.500		2.500	2.500		
VI	VĂN HÓA - THÔNG TIN		35.000	10.500		10.500	10.500	-	
1	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Ga'n'il	Ga'n'il	5.000	1.500		1.500	1.500	-	
2	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Ariing	Ariing	5.000	1.500		1.500	1.500	-	

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Dự kiến tổng mức đầu tư	Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026					Ghi chú
				Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn		Phân theo chi phí		
					NSTW	Ngân sách thành phố	Xây lắp	ĐB, GPMB	
3	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Agriih	Agriih	5.000	1.500		1.500	1.500	-	
4	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Voong	Voong	5.000	1.500		1.500	1.500	-	
5	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Ariêu	Ariêu	5.000	1.500		1.500	1.500	-	
6	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Cha'nóc	Cha'nóc	5.000	1.500		1.500	1.500	-	
7	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Cha'lăng	Cha'lăng	5.000	1.500		1.500	1.500	-	
VII	PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH		-	-		-	-	-	
VIII	THỂ DỤC THỂ THAO		12.000	2.000		2.000	2.000	-	
1	Xây dựng khu thể dục thể thao các điểm thôn	Hùng Sơn	12.000	2.000		2.000	2.000	-	
IX	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		8.000	3.200	-	3.200	3.200	-	
1	Nhà máy xử lý rác thải Trung tâm xã Hùng Sơn	Hung Sơn	8.000	3.200		3.200	3.200		
X	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ		304.600	112.983	-	113.183	111.442	1.741	
-1	NÔNG - LÂM		-	-		-	-	-	
-2	THỦY LỢI - THỦY SẢN		33.000	14.950	-	14.950	14.950	-	
1	Xây dựng Thủy lợi Cha long	Atu 1	3.500	1.050		1.050	1.050	-	
2	Thủy lợi Tư Rul	Ariing	4.000	1.600		1.600	1.600	-	
3	Đầu tư nước thủy lợi vào khu SX đồi Pu	Dâm 2	3.600	1.800		1.800	1.800	-	
4	Đầu tư nước thủy lợi Ch'loong	Cha'nóc	3.100	1.550		1.550	1.550	-	
5	Đầu tư xây dựng thủy lợi Tovăng	Cha'lăng	2.500	1.250		1.250	1.250	-	

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Dự kiến tổng mức đầu tư	Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026				Ghi chú	
				Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn		Phân theo chi phí		
					NSTW	Ngân sách thành phố	Xây lắp		ĐB, GPMB
6	Đầu tư mương thủy lợi tang glao	Glao	3.500	1.750		1.750	1.750	-	
7	Xây dựng đường mương tưới tiêu khu sản xuất Đhngoong	Da'ding	4.500	1.800		1.800	1.800	-	
8	Xây dựng thủy lợi Ra diêng	Ki'nonh	2.700	1.350		1.350	1.350	-	
9	Đầu tư xây dựng thủy lợi Chi run	Da'ding	2.500	1.250		1.250	1.250		
10	Đầu tư xây dựng thủy lợi Ka đhung	Agriih	3.100	1.550		1.550	1.550		
-3	CÔNG NGHIỆP		23.700	12.320	-	12.320	12.320	-	
1	Hệ thống điện chiếu sáng Trung tâm xã Hùng Sơn (từ TT xã đi các thôn thôn Ariing , Ganil.)	Hùng Sơn	2.500	1.500		1.500	1.500		
2	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Arâng	Arâng	1.000	600		600	600	-	
3	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Ariing	Ariing	1.000	600		600	600	-	
4	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Ki'noonh	Ki'noonh	1.000	600		600	600	-	
5	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Agriih	Agriih	1.000	600		600	600	-	
6	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Trâm	Trâm	1.000	600		600	600	-	
7	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Voong	Voong	1.000	600		600	600	-	
8	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Ariêu	Ariêu	1.000	600		600	600	-	
9	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Dâm 1	Dâm 1	1.000	600		600	600	-	
10	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Dâm 2	Dâm 2	1.000	600		600	600	-	
11	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Achoong	Achoong	1.000	600		600	600	-	
12	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn H'juh	H'juh	1.000	600		600	600	-	
13	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng trục đường từ Trung tâm xã đi Ngã ba Pơ mu	Arâng	1.000	600	-	600	600	-	

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Dự kiến tổng mức đầu tư	Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026					Ghi chú
				Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn		Phân theo chi phí		
					NSTW	Ngân sách thành phố	Xây lắp	ĐB, GPMB	
14	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng trực đường từ Trung tâm xã đi thôn Ki'noonh	Ki'noonh	2.000	800	-	800	800	-	
15	Hệ thống chống sét công cộng thôn Arâng	A râng	300	180		180	180	-	
16	Hệ thống chống sét công cộng thôn Ariing	Ariing	300	180		180	180	-	
17	Hệ thống chống sét công cộng thôn Ki'nonh	Ki'noonh	300	180		180	180	-	
18	Hệ thống chống sét công cộng thôn Ga'nil	Ga'nil	300	180		180	180	-	
19	Hệ thống chống sét công cộng thôn Agriih	Agriih	300	180		180	180	-	
20	Hệ thống chống sét công cộng thôn T'râm	T'râm	300	180		180	180	-	
21	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Voong	Voong	300	180		180	180	-	
22	Hệ thống chống sét công cộng thôn Ariêu	Ariêu	300	180		180	180	-	
23	Hệ thống chống sét công cộng thôn Abaanh 1	Abaanh 1	300	180		180	180	-	
24	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Abaanh 2	Abaanh 2	300	180		180	180	-	
25	Hệ thống chống sét công cộng thôn Dâm 1	Dâm 1	300	180		180	180	-	
26	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Dâm 2	Dâm 2	300	180		180	180	-	
27	Hệ thống chống sét công cộng thôn Achoong	Achoong	300	180		180	180	-	
28	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Cha'nóc	Cha'nóc	300	180		180	180	-	
29	Hệ thống chống sét công cộng thôn Atu 1	Atu 1	300	180		180	180	-	
30	Hệ thống chống sét công cộng thôn Atu 2	Atu 2	300	180		180	180	-	
31	Hệ thống chống sét công cộng thôn H'juh	H'juh	300	180		180	180	-	
32	Hệ thống chống sét công cộng thôn Cha'lăng	Cha'lăng	300	180		180	180	-	

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Dự kiến tổng mức đầu tư	Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026					Ghi chú
				Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn		Phân theo chi phí		
					NSTW	Ngân sách thành phố	Xây lắp	ĐB, GPMB	
33	Hệ thống chống sét công cộng thôn Dung	Dung	300	180		180	180	-	
34	Hệ thống chống sét công cộng thôn Arooi	Arooi	300	180		180	180	-	
35	Hệ thống chống sét công cộng thôn Ating	Atiing	300	180		180	180	-	
36	Hệ thống chống sét công cộng thôn Da'ding	Da'ding	300	180		180	180	-	
37	Hệ thống chống sét công cộng thôn G'lao	G'lao	300	180		180	180	-	
38	Hệ thống chống sét công cộng thôn Pút	Pút	300	180		180	180	-	
-4	ĐỊNH CANH, ĐỊNH CƯ		89.500	25.125	-	25.125	24.371	754	
1	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Kì'noonh (khu mới)	Kì'noonh	7.000	1.750		1.750	1.698	53	
2	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Ariing (khu mới)	Ariing	7.000	1.750		1.750	1.698	53	
3	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Achoong (khu mới)	Achoong	4.000	1.000	-	1.000	970	30	
4	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn H'juh (khu mới)	H'juh	5.000	1.500	-	1.500	1.455	45	
5	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Da'ding (khu mới)	Da'ding	5.000	1.250	-	1.250	1.213	38	
6	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Pút (khu mới)	Pút	7.000	1.750	-	1.750	1.698	53	
7	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Arooi (khu mới)	Arooi	15.000	3.750	-	3.750	3.638	113	
8	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Ating (khu mới)	Ating	15.000	3.750	-	3.750	3.638	113	
9	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Glao (khu mới)	Glao	5.000	3.750	-	3.750	3.638	113	

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Dự kiến tổng mức đầu tư	Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026					Ghi chú
				Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn		Phân theo chi phí		
					NSTW	Ngân sách thành phố	Xây lắp	ĐB, GPMB	
10	Kè chống sạt lở thôn Ki'noonh	Ki'noonh	5.000	1.250	-	1.250	1.213	38	
11	Kè chống sạt lở thôn Cha'nóc	Cha'nóc	5.000	1.250	-	1.250	1.213	38	
12	Kè chống sạt lở thôn Dâm I	Dâm I	4.500	1.125	-	1.125	1.091	34	
13	Kè chống sạt lở thôn Ga'nil	Ga'nil	5.000	1.250	-	1.250	1.213	38	
-5	GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ		59.200	25.058	-	25.258	25.021	238	
1	Mở đường vào khu SX cánh đồng Achêr	Dâm 2	4.000	1.000		1.000	900	100	
2	Nâng cấp Mở rộng đường giao thông từ Trung tâm xã đi thôn Ariing	Ariing	5.500	2.333		2.333	2.333		
3	Đường Giao thông từ thôn thôn Ariêu đi khu sản xuất Pinang	Ariêu	3.000	1.200		1.200	1.200		
4	Đường Giao thông đi khu sản xuất Tư Rul	Ariing	3.000	1.200	-	1.400	1.400	-	
5	Đường Giao thông đi khu sản xuất Ra diêng	Ki'noonh	4.000	1.600		1.600	1.600		
6	Đường Giao thông đi khu sản xuất Cư noong	Ga'nil	3.000	1.200		1.200	1.200		
7	Đường giao thông từ thôn Atu 1 đi thôn Atu 2 (đường dược liệu)	Atu 1 và Atu 2	15.000	7.500		7.500	7.500		
8	Đường Giao thông nông thôn, thôn Ariing	Ariing	1.500	750		750	750		
9	Đường Giao thông nông thôn, thôn Ki'noonh	Ki'noonh	2.000	2.500		2.500	2.500		
10	Đường Giao thông nông thôn, thôn H'juh	H'juh	3.000	1.500		1.500	1.500		
11	Đường Giao thông nông thôn, thôn Cha'nóc	Cha'nóc	1.200	600		600	600		
12	Đường giao thông đi vào khu sản xuất Aduôl (Đoàn từ thôn A riêu đi đập thủy điện Tr'hy)	Voong	3.500	1.400		1.400	1.400		
13	Cầu bản đi vào thôn Agriih	Agriih	1.500	900		900	900		

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Dự kiến tổng mức đầu tư	Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026				Ghi chú	
				Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn		Phân theo chi phí		
					NSTW	Ngân sách thành phố	Xây lắp		ĐB, GPMB
14	Đường vào khu sản xuất A dác	Achoong	5.500	1.375		1.375	1.238	138	
-6	KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ		-	-	-	-	-	-	
-7	CẤP, THOÁT NƯỚC		27.200	11.230		11.230	11.230	-	
1	Xử lý hệ thống thoát nước thôn Ariing	Ariing	3.000	1.200		1.200	1.200		
2	Xử lý hệ thống thoát nước thôn Ga'nil	Ga'nil	3.300	1.320		1.320	1.320		
3	Xử lý hệ thống thoát nước thôn Ki'noonh	Ki'noonh	4.100	1.640		1.640	1.640		
4	Xử lý mương thoát nước thôn Voong	Voong	3.000	1.200		1.200	1.200		
5	Xử lý mương thoát nước thôn Ariêu	Ariêu	2.000	800		800	800		
6	Xử lý mương thoát nước thôn Abaanh II	Abaanh 2	2.000	800		800	800		
7	Xử lý mương thoát nước thôn Dâm II	Dâm 2	1.500	750		750	750		
8	Xử lý mương thoát nước thôn Cha'nóc	Ch'nóc	1.800	720		720	720		
9	Xử lý mương thoát nước thôn H'juh II	H'juh	2.500	1.000		1.000	1.000		
10	Xử lý mương thoát nước thôn Ch'lăng	Ch'lăng	2.000	800		800	800		
11	Xử lý mương thoát nước thôn Arooi	Arooi	2.000	1.000		1.000	1.000		
-8	KHO TÀNG		-	-		-	-	-	
-9	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN		5.000	2.000		2.000	2.000	-	
1	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tại 24 điểm thôn	Hùng Sơn	5.000	2.000		2.000	2.000	-	
-10	THƯƠNG MẠI		-	-		-	-	-	
-11	DU LỊCH		-	-		-	-	-	
12	NGHĨA TRANG		35.000	7.500		7.500	6.750	750	
1	Xây dựng nghĩa trang thôn Arâng	Arâng	3.000	750		750	675	75	
2	Xây dựng nghĩa trang thôn Ariing	Ariing	3.000	750		750	675	75	

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Dự kiến tổng mức đầu tư	Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026					Ghi chú
				Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn		Phân theo chi phí		
					NSTW	Ngân sách thành phố	Xây lắp	ĐB, GPMB	
3	Xây dựng nghĩa trang thôn Ga'nil	Ga'nil	3.000	750		750	675	75	
4	Xây dựng nghĩa trang thôn Ki'noonh	Ki'noonh	3.000	750		750	675	75	
5	Xây dựng nghĩa trang thôn Voong	Voong	3.000	750		750	675	75	
6	Xây dựng nghĩa trang thôn Abaanh 1	Abaanh 1	3.000	750		750	675	75	
7	Xây dựng nghĩa trang thôn Abaanh 2	Abaanh 2	3.000	750		750	675	75	
8	Xây dựng nghĩa trang thôn H'juh	H'juh	3.000	750		750	675	75	
9	Xây dựng nghĩa trang thôn Da'ding	Da'ding	3.000	750		750	675	75	
10	Xây dựng nghĩa trang thôn Pút	Pút	3.000	750		750	675	75	
13	NƯỚC SINH HOẠT		32.000	14.800	-	14.800	14.800	-	
1	Nhà máy nước sạch Trung tâm xã	Aring	7.000	2.800		2.800	2.800		
2	Nước sạch sinh hoạt các thôn khác	Abanh 2, Cha'nóc	15.000	7.000		7.000	7.000		
3	Nước sinh hoạt thôn Pút và Da'ding	Pút và Da'ding	10.000	5.000		5.000	5.000		
14	LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH								
XII	BẢO ĐẢM XÃ HỘI								



PHỤ LỤC 3: BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC ĐẦU TƯ NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ HÙNG SƠN TỪ NGUỒN VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN

Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày 31/12/2025 của HĐND xã Hùng Sơn

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch phân bổ vốn theo các năm			Sự cần thiết đầu tư
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	
I	DỰ KIẾN ĐẦU TƯ MỚI		43.300	23.667	12.990	6.820	
I	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP		8.200	4.100	2.460	1.640	
1	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng Trung tâm xã Hùng Sơn (từ TT xã đi thôn Ariing - đi thôn Ganil)	Thôn Ariing-Ga'nil	2.500	1.250	750	500	Các tuyến đường từ Trung tâm xã đi thôn Ariing và thôn Ga'nil (tuyến đường ĐH 4) chưa có điện chiếu sáng công cộng, đây là tuyến chính tại Trung tâm cần phải đầu tư
2	Hệ thống chống sét các thôn Dâm 1, 2, Agriih, Pút, Da'ding, Cha'lăng, Ch'nốc....	Các thôn	2.000	1.000	600	400	Tại thôn thường xuyên sét đánh, cần thiết phải đầu tư nhằm đảm bảo an toàn tính mạng người dân
3	Hệ thống điện năng lượng mặt trời thôn thôn, Ariêu, Ki'noonh, Arâng, Ariing, Ki'noonh Agriih...	Hùng Sơn	2.500	1.250	750	500	Các thôn chưa có điện năng lượng, nhằm phục vụ đi lại cho người dân
4	Hệ thống hạ tầng điểm du lịch sinh thái Pơ Mu	A râng	1.200	600	360	240	Nơi đây là điểm nhân phát triển du lịch, nhằm phục vụ và phát triển bền vững tăng thu nhập cho người dân
III	GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ		17.400	10.440	5.220	1.740	
1	Đường giao thông thôn H'juh (khu mới)	H'juh	3.000	1.800	900	300	Khu mới thôn H'juh chưa có mặt đường bê tông, cần thiết phải đầu tư
2	Đường giao thông thôn Kinoonh	Kinoonh	2.000	1.200	600	200	Một số khu của thôn chưa có mặt đường, mặt đường chật hẹp, mất an toàn, cần thiết phải đầu tư sớm
3	Đường giao thông từ Trung tâm xã đi thôn Ariing	Ariing	5.500	3.300	1.650	550	Đoạn đường từ trung tâm xã đi về thôn Ariing và một số điểm tại mặt bằng thôn chưa có mặt đường, sự cần thiết đầu tư sớm
4	Cầu bản đi vào thôn Agriih và hạng mục phụ trợ khác	Agriih	1.500	900	450	150	Mỗi lúc lũ, nước tràn qua cống, khả năng đứt cống và cô lập thôn, nên phải đầu tư
5	Đường giao thông xung quang thôn Ariing (khu 3)	Ariing	1.200	720	360	120	Mặt bằng thôn Ariing (khu 3) chưa có mặt đường bê tông, việc đầu tư là hết sức cần thiết

6	Đường giao thông xung quang thôn Cha'nóc	Cha'nóc	1.200	720	360	120	Mặt bằng thôn Cha'nóc (khu 2) chưa có mặt đường bê tông, việc đầu tư là hết sức cần thiết
7	Đường giao thông từ thôn Ariêu về Thủy điện Tr'hy (Ađuôl)	Ariêu	3.000	1.800	900	300	Đoạn đường từ thôn Ariêu về Thủy điện Tr'hy chưa có mặt đường, cống, mương và hạng mục khác, cần phải đầu tư
IV	CẤP, THOÁT NƯỚC		14.700	7.350	4.410	2.940	
1	Xử lý hệ thống thoát nước thôn Ariing	Ariing	2.500	1.250	750	500	Dân số thôn Ariing, rất đông, tới 03 khu chính, nhưng hệ thống mương thoát nước chưa có, gây ô nhiễm môi trường
2	Xử lý hệ thống thoát nước thôn Ki'noonh	Ki'noonh	3.200	1.600	960	640	Lưu lượng nước thải và nước mưa rất lớn, gây ngập úng thôn nhiều lần, cần thiết phải đầu tư sớm
3	Xử lý mương thoát nước thôn H'juh	H'juh	3.500	1.750	1.050	700	Mặt bằng mới chưa có mương, cần thiết phải đầu tư sớm
4	Xử lý mương thoát nước thôn Arooi	Arooi	2.000	1.000	600	400	Tại Taluy dương chưa có mương, mỗi lúc mưa, thường xuyên nước chảy về thôn làm khó khăn sinh hoạt, cần phải đầu tư sớm
6	Xử lý mương thoát nước thôn Ariêu	Ariêu	2.000	1.000	600	400	Tại Taluy dương chưa có mương, mỗi lúc mưa, thường xuyên nước chảy về thôn làm khó khăn sinh hoạt, cần phải đầu tư sớm
7	Xử lý mương thoát nước thôn Dâm II	Dâm II	1.500	750	450	300	Tại Taluy dương chưa có mương, mỗi lúc mưa, thường xuyên nước chảy về thôn làm khó khăn sinh hoạt, cần phải đầu tư sớm
V	NƯỚC SINH HOẠT		3.000	1.777	900	500	
1	Nâng cấp nước sinh hoạt thôn Cha'nóc	Cha'nóc	1.000	600	300	100	Dân số thôn Cha'nóc rất đông, cần thiết phải đầu tư, đây là điểm cửa khẩu phụ
2	Nước sinh hoạt Trung tâm xã Hùng Sơn	Arâng	2.000	1.177	600	400	Nguồn cũ đã hư, cần đầu tư gấp nhằm phục vụ nước sinh hoạt cho Trung tâm xã
II	DỰ KIẾN TRẢ NỢ CÁC CÔNG TRÌNH			7.000			Sẽ phân bổ chi tiết sau khi có quyết định quyết toán
	TỔNG CỘNG (I+II)		43.300	30.667	12.990	6.820	



PHỤ LỤC 02: BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU NÂNG CẤP, SỬA CHỮA CÁC CÔNG TRÌNH BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI GÂY RA NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày 31/12/2025 của HĐND xã Hùng Sơn

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Sự cần thiết đầu tư
	Tổng cộng		1.400.000	
1	Nâng cấp sửa chữa Thủy lợi ruộng Chuôi	Ariing	400.000	Các công trình đã hư hỏng nặng cần nâng cấp sửa chữa khẩn cấp
2	Nâng cấp, sửa chữa Thủy lợi Pa Key-KaBung	Thôn Agriih	400.000	
3	Nâng cấp sửa chữa nước sinh hoạt thôn Arooi-Ating	Thôn Arooi-Ating	600.000	

**PHỤ LỤC 01: DỰ KIẾN NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026
- DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM***(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày 31/12/2025 của HĐND xã Hùng Sơn)*

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026					Ghi chú
				Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn		Phân theo chi phí		
					NSTW	Ngân sách thành phố	Xây lắp	ĐB, GPMB	
A	NGÀNH, LĨNH VỰC		985.000	385.000	-	385.000	364.400	20.600	
I	QUỐC PHÒNG		80.000	48.000	-	48.000	48.000	-	
1	Sửa chữa, nâng cấp đường liên xã từ ĐH14 đến xã La ÊÊ phục vụ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng tại địa phương	Hùng Sơn	80.000	48.000		48.000	48.000		
II	ĐỊNH CANH, ĐỊNH CƯ		455.000	187.000	-	187.000	177.650	9.350	
1	Khu Trung tâm hành chính xã; hạng mục: Hạ cao trình, đường giao thông, kè bảo vệ, cấp thoát nước, hệ thống điện (Sau Võ Chí Công)	Ariêng	400.000	160.000		160.000	152.000	8.000	
2	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Arâng	Arâng	55.000	27.000		27.000	25.650	1.350	
II	GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ		300.000	75.000	-	75.000	67.500	7.500	
1	Nâng cấp ở rộng đường Giao thông ĐH4 từ Trung tâm xã đi thôn Achoong	Achoong	300.000	75.000		75.000	67.500	7.500	
III	KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ		-	-	-	-	-	-	
IV	DU LỊCH		-	-	-	-	-	-	

V	LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH		150.000	75.000	-	75.000	71.250	3.750	
1	Xây dựng trụ sở hành chính xã Hùng Sơn	thôn Arâng	150.000	75.000		75.000	71.250	3.750	